

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0760018350

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã0313457637

TênCÔNG TY CỔ PHẦN KOME88

Mã bưu chính(+84) 43

Địa chỉ43 Lam Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại0909305123

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênOCEAN TRADING CO.,LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ254 DONOMAE-CHOKARASUMA-HIGASHIIRUROKKAKU-DORI, NAKAGYO-KUKYOTO, 604-8134

Mã nướcJP

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quanMã nhân viên Hải quan

Số vận đơnĐịa điểm lưu kho02CIS01TONG CTY TAN CANG SG

1051025015FX29014Địa điểm dỡ hàngVNCLI CANG CAT LAI (HCM)

2Địa điểm xếp hàngJPTYO TOKYO - TOKYO

3Phương tiện vận chuyển

49999 WAN HAI 291 S050

5Ngày hàng đến11/10/2025

Số lượng273 PK

Tổng trọng lượng hàng (Gross)3.351,2 KGM

Số lượng container1

Ký hiệu và số hiệu

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã văn bản pháp quy khác

Số hóa đơnA - KMJP-25074

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành19/09/2025

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnA - CIF - JPY -

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá-

Mã kết quả kiểm tra nội dungA

Giấy phép nhập khẩu

1EX02 - BNNPTNT10250146332

2-

3-

4-

5-

Mã phân loại khai trị giá

Khai trị giá tổng hợp- -

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển- -

Phí bảo hiểm-

Mã tênMã phân loạiTrị giá khoản điều chỉnhTổng hệ số phân bổ

1- - -

2- - -

3- - -

4- - -

5- - -

Chi tiết khai trị giá

LO CONT NHAT V0030TC ETA 12 OCTOBER 2025

Tên sắc thuếTổng tiền thuếSố dòng tổng

1N Thuế NKVND4Tổng tiền thuế phải nộpVND

2V Thuế GTGTVND3Số tiền bảo lãnhVND

3VND Tỷ giá tính thuếJPY-

4VND-

5VND-

6VNDMã xác định thời hạn nộp thuếDNgười nộp thuế1

Mã lý do đề nghị BPPhân loại nộp thuếA

Tổng số trang của tờ khai25Tổng số dòng hàng của tờ khai23

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

107600183501

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

HQSGKV1

Mã bộ phận xử lý tờ khai

02

Ngày đăng ký

09/10/2025 13:36:34

Ngày thay đổi đăng ký

14/10/2025 11:56:34

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Số đính kèm khai báo điện tử

1

ETC - 721986311010

2

-

3

-

Phần ghi chú

HÀNG CÓ CO FORM CPTPP CẤP NGÀY 22/09/2025

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp			Số quản lý người sử dụng	00350
Phân loại chỉ thị của Hải quan			A	
	Ngày	Tên	Nội dung	
1	09/10/2025	26-Nguyễn Thị Nga	Hàng lấy mẫu kiểm dịch/KTCL tại cảng, đề nghị DN liên hệ bộ phận giám sát-Hải quan CKCSG KV1 để thực hiện việc giám sát lấy mẫu theo quy định	
2	14/10/2025	ATTP	THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÁC NHẬN THỰC PHẨM ĐẠT 1456/2025/TBNK/TYV6 NGÀY 10/10/25 CỦA CHI CỤC THỦ Y VÙNG VI	
3	14/10/2025	KẾT QUẢ KIỂM DỊCH	KẾT QUẢ KIỂM DỊCH 4234/2025/E03/CN-TSNK -BNNPTNT10250146332	
4	/ /			
5	/ /			
6	/ /			
7	/ /			
8	/ /			
9	/ /			
10	/ /			

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan

Trưởng HQCK cảng Sài Gòn khu vực 1

Ngày cấp phép

14/10/2025 12:00:15

Ngày hoàn thành kiểm tra

14/10/2025 11:56:51

Phân loại thẩm tra sau thông quan

Ngày phê duyệt BP

/ /

Ngày hoàn thành kiểm tra BP

/ /

Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu

Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)		Địa điểm		Ngày đến	~	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1			/ /	~	/ /
	2			/ /	~	/ /
	3			/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế				/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>

Mã số hàng hóa03061790Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaTôm đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Red Shrimp), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD SCS

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	60	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	60	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	- VND	- KGM
Thuế suấtA	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B01	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<02>

Mã số hàng hóa03077200Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaSố huyết đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Bloody Clam), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 1CS

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	10	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	10	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	- VND	- KGM
Thuế suấtA	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B01	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<03>

Mã số hàng hóa03048990Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaCá nục phi lê đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Chub Mackerel Fillet), mã cssx : VN13690032-TSUKIJI FRESH MARUTO CO.,LTD 2CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)23,4KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)23,4KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtAThuế suấtMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuếVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B01

Số tiền miễn giảmVNDMã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<04>

Mã số hàng hóa03048990Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaCá nục phi lê đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Chub Mackerel Fillet), mã cssx : VN13690032-TSUKIJI FRESH MARUTO CO.,LTD 1CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)7,8KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)7,8KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtAThuế suấtMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuếVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B01

Số tiền miễn giảmVNDMã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<05>

Mã số hàng hóa03048300Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaCá bơn phi lê đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Halibut Fillet), mã cssx : VN13690032-TSUKIJI FRESH MARUTO CO.,LTD 1CS

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Trị giá hóa đơn

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S)VND

Số lượng tính thuế

Thuế suấtAVND

Số tiền thuếVND

Số tiền miễn giảmVND

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Trị giá tính thuế(M)-

Đơn giá tính thuế-VND-KGM

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Nước xuất xứJP-JAPAN-B01

Mã ngoài hạn ngạch

Số lượng (1)10KGM

Số lượng (2)10KGM

Đơn giá hóa đơn6.490JPYKGM

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<06>

Mã số hàng hóa03061790Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaTôm đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Red Shrimp), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD
6CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)72KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)72KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtAThuế suất

Số tiền thuếVNDMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền miễn giảmVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B01

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứngMã ngoài hạn ngạch

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<07>

Mã số hàng hóa03079200Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaỐc Biển Ezo Đông Lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Ezo Neptune), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 8CS

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	80	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	80	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	- VND	- KGM
Thuế suấtA	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B01	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107600183501	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1605
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai		02
Ngày đăng ký	09/10/2025 13:36:34	Ngày thay đổi đăng ký	14/10/2025 11:56:34	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<08>				
Mã số hàng hóa	03061790	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi: []	
Mô tả hàng hóa	Tôm đỏ đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Red Shrimp), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 10CS			

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	120	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	120	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - KGM
Thuế suất A		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B01
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<09>

Mã số hàng hóa03061790Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaTôm hồng đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Alaskan Pink Shrimp), mã cssx : VN13690032-TSUKIJI FRESH MARUTO CO.,LTD 7CS

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Trị giá hóa đơn

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S)VND

Số lượng tính thuế

Thuế suấtC

Số tiền thuếVND

Số tiền miễn giảmVND

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Trị giá tính thuế(M)-

Đơn giá tính thuế

Đơn giá hóa đơnJPYKGM

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Nước xuất xứJP - JAPAN - B21

Mã ngoài hạn ngạch

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<10>

Mã số hàng hóa03061790Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaTôm hồng đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Alaskan Pink Shrimp), mã cssx : VN13690032-TSUKIJI FRESH MARUTO CO.,LTD 1CS

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Trị giá hóa đơn

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S)VND

Số lượng tính thuế

Thuế suấtC

Số tiền thuếVND

Số tiền miễn giảmVND

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Số lượng (1)5,85KGM

Số lượng (2)5,85KGM

Đơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(M)-

Đơn giá tính thuế-VND-KGM

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Nước xuất xứJP-JAPAN-B21

Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<11>

Mã số hàng hóa03038919Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaCá băng nguyên con đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Icefish Round), mã cssx : VN13680025-YAMAHARU CO.,LTD 2CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)30KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)30KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtAThuế suấtMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuếVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B01

Số tiền miễn giảmVNDMã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác				
1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107600183501	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1605
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai		02
Ngày đăng ký	09/10/2025 13:36:34	Ngày thay đổi đăng ký	14/10/2025 11:56:34	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<12>				
Mã số hàng hóa	16055600	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi: []	
Mô tả hàng hóa	Sò đồ Hokkigai đông lạnh (bỏ vỏ, chần sơ qua nước sôi) - Frozen Boiled Surf Clam, mã cssx : 0156 - Clearwater Seafoods Limited Partnership 100CS			

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	1.000	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	1.000	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - KGM
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CA - CANADA- B21
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107600183501	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1605
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai	02
Ngày đăng ký	09/10/2025 13:36:34	Ngày thay đổi đăng ký	14/10/2025 11:56:34	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<13>				
Mã số hàng hóa	16055600	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi: []	
Mô tả hàng hóa	Sò đồ Hokkigai đông lạnh (bỏ vỏ, chần sơ qua nước sôi) - Frozen Boiled Surf Clam, mã cssx : 0156 - Clearwater Seafoods Limited Partnership 50CS			

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	500	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	500	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - KGM
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CA - CANADA- B21
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107600183501	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1605
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		HQSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai	02
Ngày đăng ký	09/10/2025 13:36:34	Ngày thay đổi đăng ký	14/10/2025 11:56:34	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<14>				
Mã số hàng hóa	16055600	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi: []	
Mô tả hàng hóa	Sò đo Hokkigai đông lạnh (bỏ vỏ, chần sơ qua nước sôi) - Frozen Boiled Surf Clam, mã cssx : 0156 - Clearwater Seafoods Limited Partnership 6CS			

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	60	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	60	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - KGM
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CA - CANADA- B21
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107600183501	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1605
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai		02
Ngày đăng ký	09/10/2025 13:36:34	Ngày thay đổi đăng ký	14/10/2025 11:56:34	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<15>				
Mã số hàng hóa	03072200	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi: []	
Mô tả hàng hóa	Số điệp đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Japanese Scallop), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 1CS			

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	9	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	9	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - KGM
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B21
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<16>

Mã số hàng hóa03072200Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaSố điệp đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Japanese Scallop), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 13CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)195KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)195KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtCThuế suất

Số tiền thuếVNDMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền miễn giảmVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B21

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứngMã ngoài hạn ngạch

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<17>

Mã số hàng hóa03048990Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaCá cam phi lê đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Yellowtail Fillet), mã cssx : VN38630020-HIDECHO SUISAN CO.,LTD. Third Processing Facility 27CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)399,57KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)399,57KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtCThuế suấtMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuếVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B21

Số tiền miễn giảmVNDMã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<18>

Mã số hàng hóa03048990Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaCá cam phi lê đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Yellowtail Fillet), mã cssx : VN38630020-HIDECHO SUISAN CO.,LTD. Third Processing Facility 1CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)15,68KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)15,68KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtCThuế suấtMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuếVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B21

Số tiền miễn giảmVNDMã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	TênThuế GTGT		Mã áp dụng thuế suấtV
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<19>

Mã số hàng hóa03048990Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaCá cam phi lê đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Yellowtail Fillet), mã cssx : VN38630020-HIDECHO SUISAN CO.,LTD. Third Processing Facility 3CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)47,22KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)47,22KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtCThuế suấtMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuếVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B21

Số tiền miễn giảmVNDMã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<20>

Mã số hàng hóa03061790Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaTôm đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Red Shrimp), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 16CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)192KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)192KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtAThuế suấtMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuếVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B01

Số tiền miễn giảmVNDMã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất V
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<21>

Mã số hàng hóa03072200Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaSố điệp đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Japanese Scallop), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 6CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)90KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)90KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtCThuế suất

Số tiền thuếVNDMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền miễn giảmVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B21

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứngMã ngoài hạn ngạch

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	107600183501	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1605
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	HQSGKV1		Mã bộ phận xử lý tờ khai		02
Ngày đăng ký	09/10/2025 13:36:34	Ngày thay đổi đăng ký	14/10/2025 11:56:34	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<22>				
Mã số hàng hóa	03072200	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi: []	
Mô tả hàng hóa	Số điệp đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Japanese Scallop), mã cssx : VN13680025- YAMAHARU CO.,LTD 1CS			

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	10	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	10	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	JPY	KGM
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	- VND	- KGM
Thuế suất	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B21	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai107600183501Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1605

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiHQSGKV1Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/10/2025 13:36:34Ngày thay đổi đăng ký14/10/2025 11:56:34Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<23>

Mã số hàng hóa03071200Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaHàu Thái Bình Dương đông lạnh, chưa qua chế biến (Frozen Pacific Oyster), mã cssx : VN13680025-YAMAHARU CO.,LTD 5CS

Số của mục khai khoản điều chỉnhSố lượng (1)50KGM

Trị giá hóa đơnSố lượng (2)50KGM

Thuế nhập khẩuĐơn giá hóa đơnJPYKGM

Trị giá tính thuế(S)VNDTrị giá tính thuế(M)-

Số lượng tính thuếĐơn giá tính thuế-VND-KGM

Thuế suấtCThuế suất

Số tiền thuếVNDMã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền miễn giảmVNDNước xuất xứJP-JAPAN-B21

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứngMã ngoài hạn ngạch

Danh mục miễn thuế nhập khẩu-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		